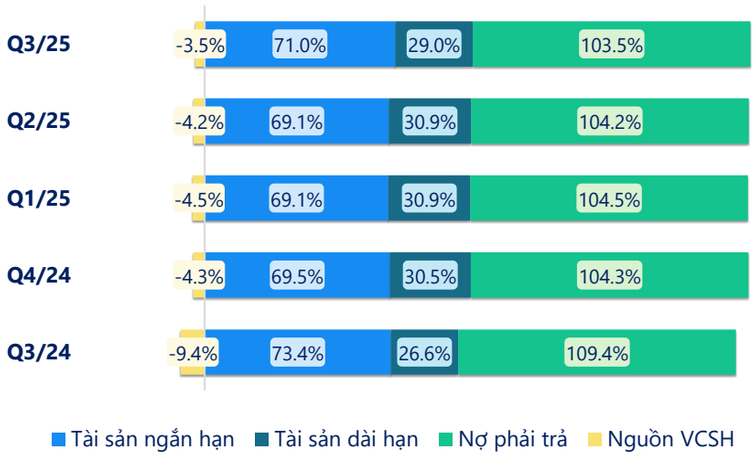
FireAnt

Tổng Công ty cơ khí xây dựng - CTCP (UPCOM: TCK)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	3,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,000
SL cổ phiếu LH	23,850,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	72
P/E	2.2
EPS	1,346

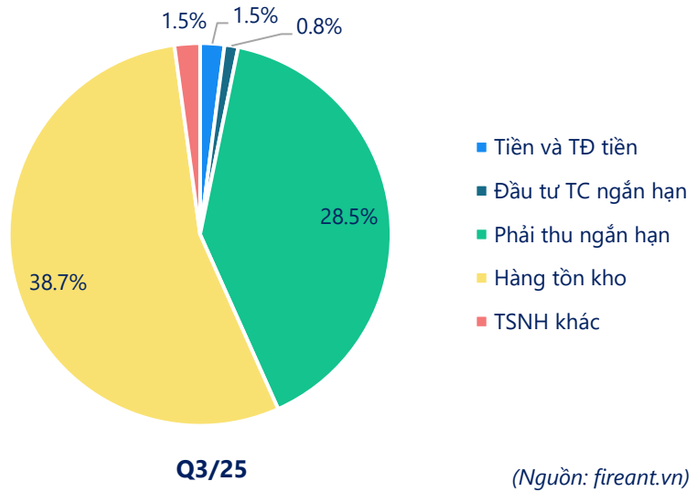
	YTD	1T	3T	6T
TCK	-18.9%	0.0%	-14.3%	-37.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



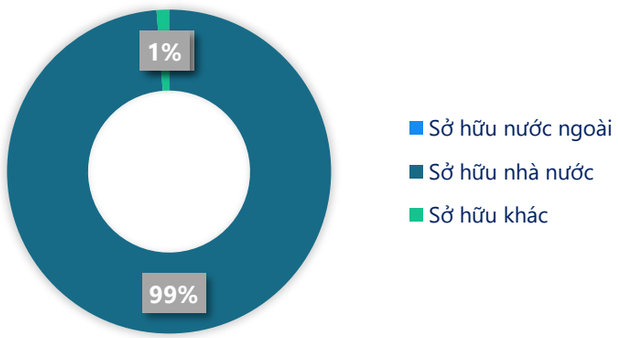
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



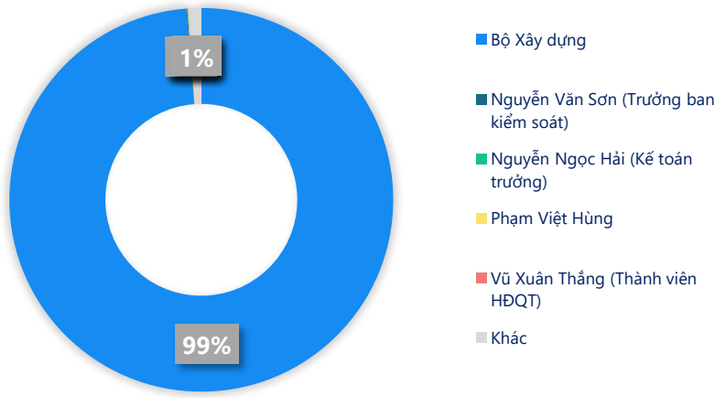
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



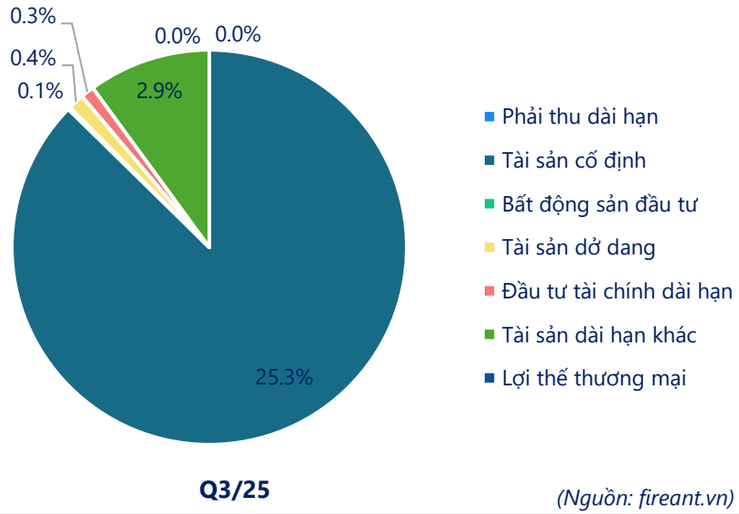
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

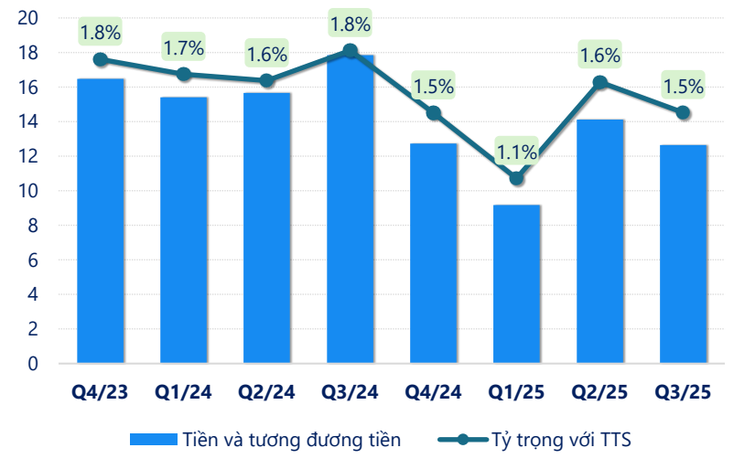


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

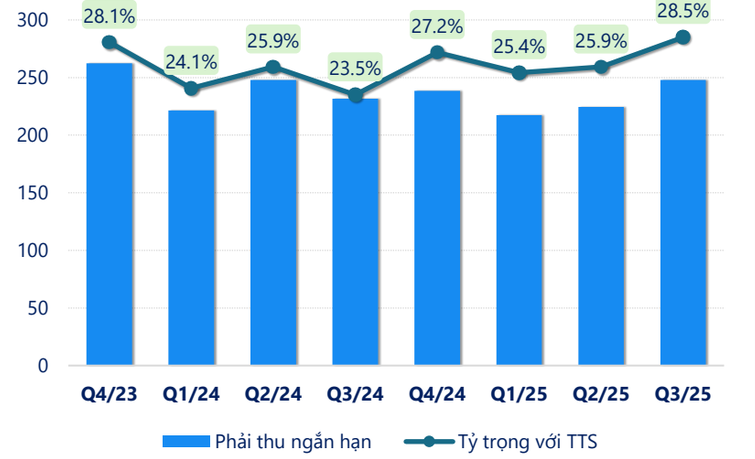
Tổng Công ty cơ khí xây dựng - CTCP (UPCOM: TCK)

Tiền và tương đương tiền



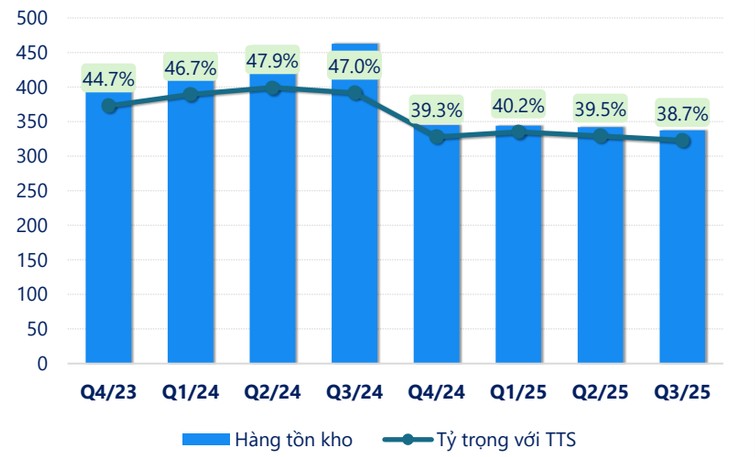
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



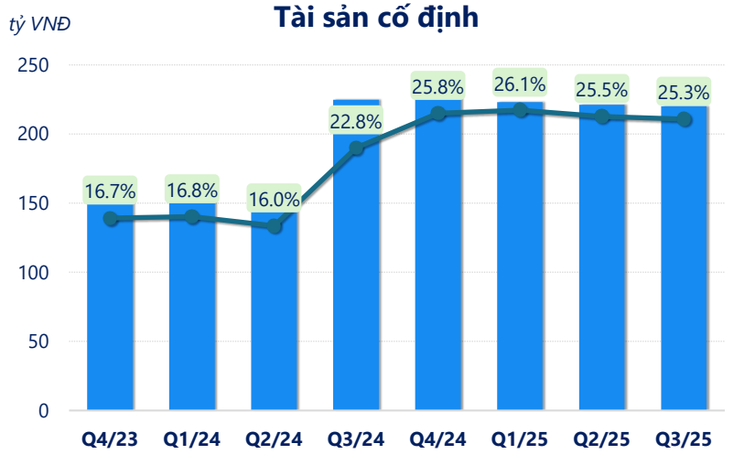
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



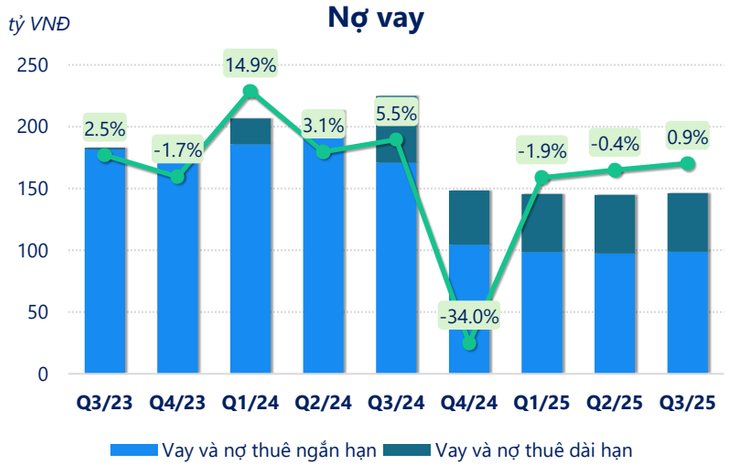
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



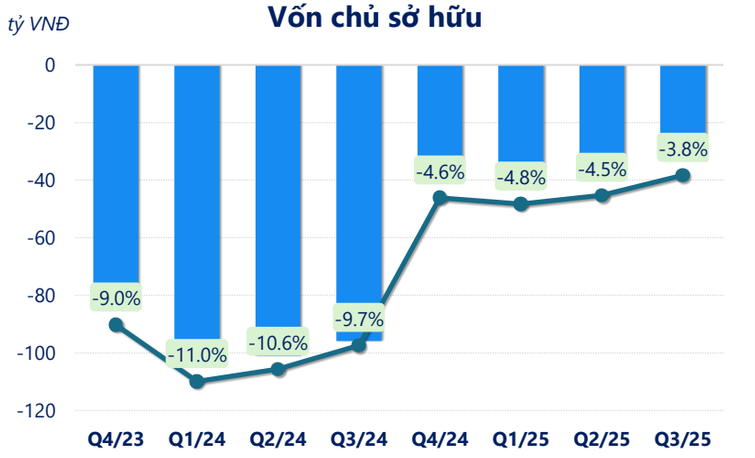
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

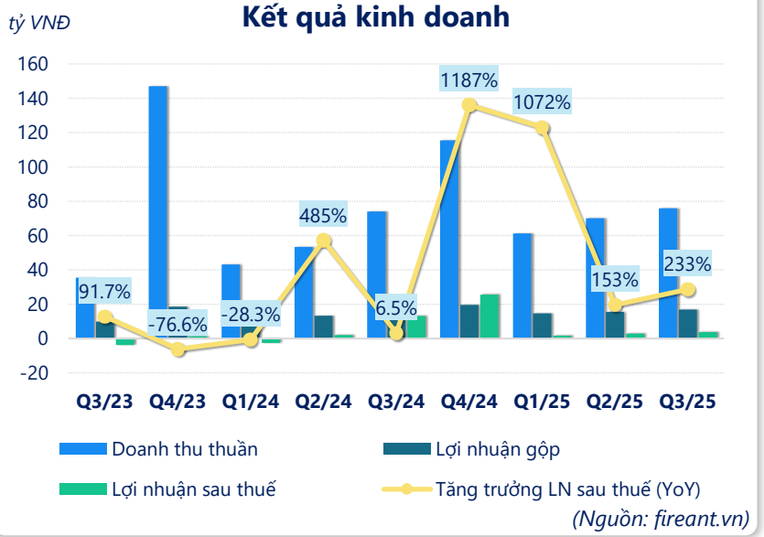


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

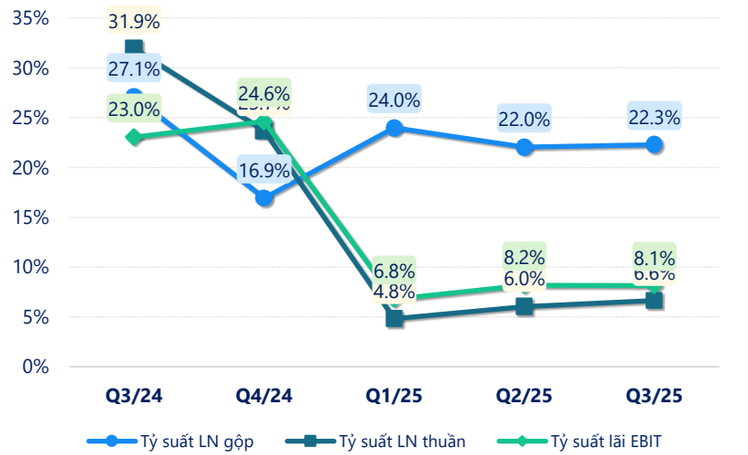
Tổng Công ty cơ khí xây dựng - CTCP (UPCOM: TCK)

Kết quả kinh doanh



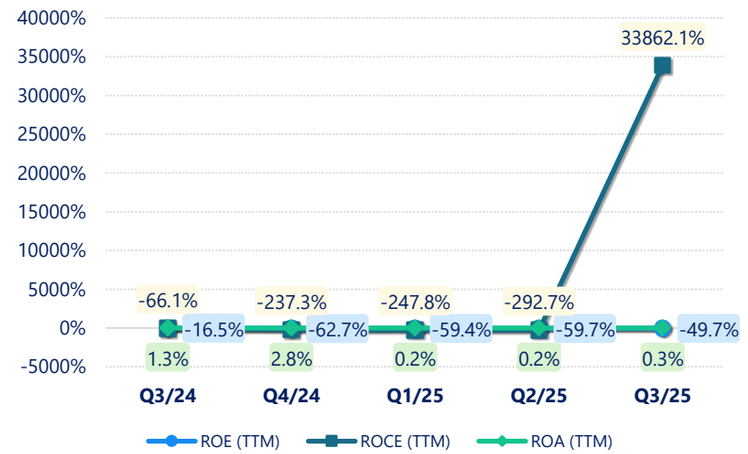
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



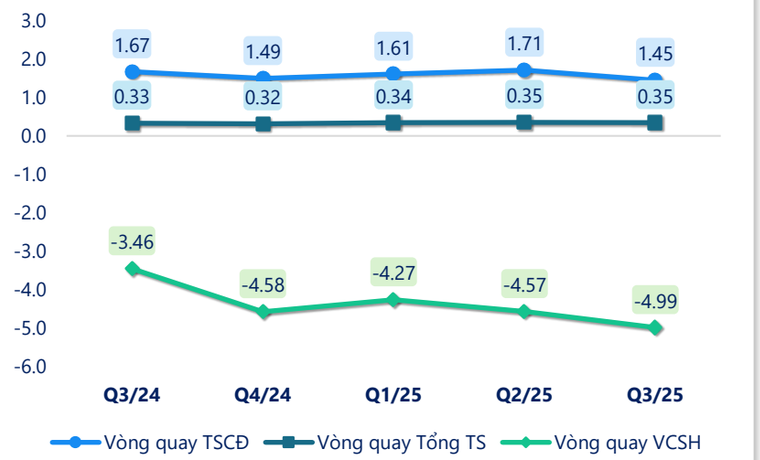
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



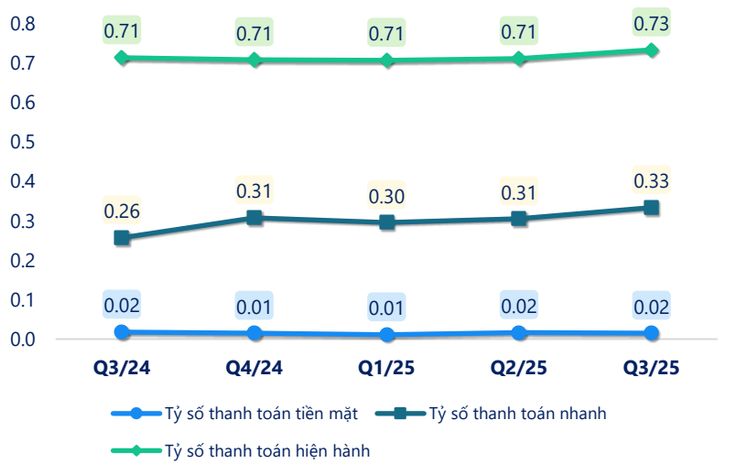
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



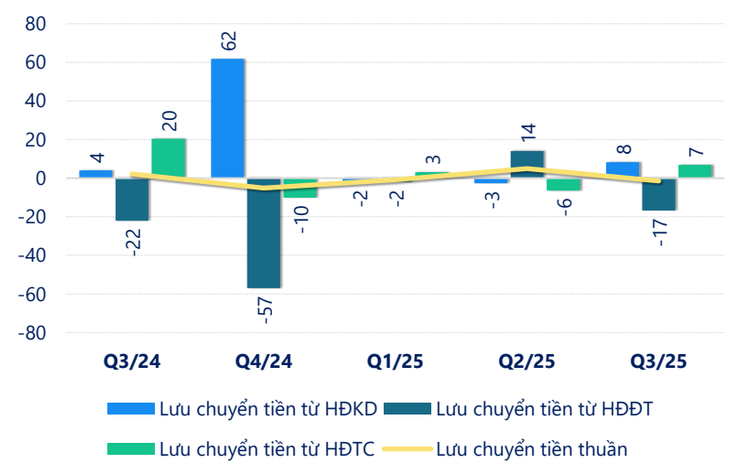
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

Tổng Công ty cơ khí xây dựng - CTCP (UPCOM: TCK)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**870**	**898**	**-3.0%**
Tài sản ngắn hạn	618	630	-1.8%
Tiền và tương đương tiền	12.6	10.00	26.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.16	2.54	181%
Phải thu ngắn hạn	248	258	-4.0%
Hàng tồn kho	337	345	-2.3%
Tài sản ngắn hạn khác	13.3	13.8	-3.2%
Tài sản dài hạn	**252**	**268**	**-6.0%**
Phải thu dài hạn	0	0.90	-100%
Tài sản cố định	220	226	-2.7%
Bất động sản đầu tư	0.50	0.50	0.0%
Tài sản dở dang	3.32	3.32	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.77	24.1	-88.5%
Tài sản dài hạn khác	**25.3**	**12.9**	**95.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	901	936	-3.8%
Nợ ngắn hạn	**843**	**880**	**-4.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	98.8	104	-5.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	103	110	-6.0%
Nợ dài hạn	58.2	55.4	5.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	47.4	43.8	8.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-30.5**	**-38.2**	**20.3%**
Vốn chủ sở hữu	**-33.3**	**-41.1**	**18.9%**
Vốn điều lệ	239	239	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**2.88**	**2.88**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	74.0	115	61.2	70.0	75.8
Giá vốn hàng bán	54.0	95.9	46.5	54.6	58.9
Lợi nhuận gộp	20.1	19.5	14.7	15.4	16.9
Doanh thu HĐTC	17.9	-0.15	0.04	2.39	0.28
Chi phí TC	3.86	3.00	2.35	2.64	2.26
Chi phí lãi vay	3.85	2.63	2.35	2.64	2.26
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.58	0.98	0.51	0.38	0.45
Chi phí QLDN	9.86	-11.9	8.90	10.6	9.42
LN thuần từ HĐKD	23.6	27.3	2.95	4.23	5.04
Lợi nhuận khác	-10.4	-1.55	-1.15	-1.15	-1.12
LN trước thuế	13.2	25.8	1.80	3.09	3.92
Lợi nhuận sau thuế	13.1	25.5	1.63	2.88	3.68
LNST của CĐ cty mẹ	12.7	25.5	1.39	2.27	2.92

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.99	61.8	-1.96	-2.59	8.32
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-22.1	-56.9	-1.94	14.0	-16.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	20.3	-10.1	3.08	-6.48	6.92
Tiền đầu kỳ	15.7	17.8	10.00	9.17	14.1
Lưu chuyển tiền thuần	**2.20**	**-5.12**	**-0.83**	**4.95**	**-1.48**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	17.8	12.7	9.17	14.1	12.6

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic